BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013*

THÔNG TƯ
Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2707, 2902 và 3902 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2707, 2902 và 3902 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2707, 2902 và 3902 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2707, 2902 và 3902 quy định tại Phụ lục II Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành tại Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2013./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2707, 2902 VÀ 3902
(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2013/TT-BTC ngày 12/8/2013 của Bộ Tài chính)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)			
		2013	2014	2015	Từ 2016 trở đi
27.07	**Dầu và các sản phẩm khác từ chưng cất hắc ín than đá ở nhiệt độ cao; các sản phẩm tương tự có khối lượng cấu tử thơm lớn hơn cấu tử không thơm**				
2707.10.00	***- Benzen***	***1***	***2***	***2***	***3***
2707.20.00	- Toluen	0	0	0	0
2707.30.00	***- Xylen***	***1***	***2***	***2***	***3***
2707.40.00	- Naphthalen	0	0	0	0
2707.50.00	- Các hỗn hợp hydrocarbon thơm khác có thành phần cất từ 65% thể tích trở lên (kể cả hao hụt) được cất ở nhiệt độ 250°C theo phương pháp ASTM D 86	0	0	0	0
	- Loại khác:				
2707.91.00	- - Dầu creosote	0	0	0	0
2707.99	- - Loại khác:				
2707.99.10	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	0	0	0	0
2707.99.90	- - - Loại khác	0	0	0	0
29.02	**Hydrocacbon mạch vòng**				
	- Xyclan, xyclen và xycloterpen:				
2902.11.00	- - Xyclohexan	0	0	0	0
2902.19.00	- - Loại khác	0	0	0	0
2902.20.00	***- Benzen***	***1***	***2***	***2***	***3***
2902.30.00	- Toluen	0	0	0	0
	- Xylen:				
2902.41.00	- - o-Xylen	0	0	0	0
2902.42.00	- - m-Xylen	0	0	0	0
2902.43.00	***- - p-Xylen***	***1***	***2***	***2***	***3***
2902.44.00	- - Hỗn hợp các đồng phân của xylen	0	0	0	0

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)			
		2013	2014	2015	Từ 2016 trở đi
2902.50.00	- Styren	0	0	0	0
2902.60.00	- Etylbenzen	0	0	0	0
2902.70.00	- Cumen	0	0	0	0
2902.90	- Loại khác:				
2902.90.10	- - Dodecylbenzen	0	0	0	0
2902.90.20	- - Các loại alkylbenzen khác	0	0	0	0
2902.90.90	- - Loại khác	0	0	0	0
39.02	**Polyme từ propylen hoặc từ các olefin khác, dạng nguyên sinh**				
3902.10	***- Polypropylen:***				
3902.10.30	***- - Dạng phân tán***	0	***1***	***2***	***3***
3902.10.90	***- - Loại khác***	0	***1***	***2***	***3***
3902.20.00	- Polyisobutylene	0	0	0	0
3902.30	- Copolyme propylen:				
3902.30.30	- - Dạng lỏng hoặc bột nhão	0	0	0	0
3902.30.90	- - Loại khác	0	0	0	0
3902.90	- Loại khác:				
3902.90.10	- - Polypropylene đã clo hóa dùng để sản xuất mực in	0	0	0	0
3902.90.90	- - Loại khác	0	0	0	0